

Số: 1144/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 01 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí về “Thôn nông thôn mới” và
Bộ tiêu chí về “Thôn kiểu mẫu” tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 894 /QĐ-UBND ngày 29/4/2022/2022 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 08/TTr-VPĐP ngày 04/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về “Thôn nông thôn mới” và Bộ tiêu chí về “Thôn kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025 (gọi tắt là Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn giai đoạn 2022 - 2025).

Điều 2. Thẩm quyền công nhận “Thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới” và “Thôn đạt chuẩn thôn kiểu mẫu” do Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định.

Điều 3. Nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố

1. Các sở, ban, ngành liên quan căn cứ phân công phụ trách chỉ tiêu, tiêu chí công bố chỉ tiêu cụ thể và ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn giai đoạn 2022 - 2025 trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2. Các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn được ban hành và điều kiện thực tế của địa phương, lựa chọn các thôn để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn

đồng các xã, thôn, bản tổ chức thực hiện hiệu quả Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn theo quy định.

- Đăng ký kế hoạch xây dựng “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu” của địa phương hàng năm gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

- Tổ chức xét, công nhận và công bố các thôn đạt chuẩn “Thôn nông thôn mới” và “Thôn kiểu mẫu” của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định;

3. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh:

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố “Thôn đạt chuẩn nông thôn mới”, “Thôn đạt chuẩn kiểu mẫu”.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị của tỉnh liên quan hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí; kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn tại các địa phương; tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, UBND tỉnh kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp thôn theo Quyết định này có vấn đề phát sinh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện, tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí nêu trên đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chủ tịch UBND các xã trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Như Điều 3 QĐ;
- Các Sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh, Cục Thống kê tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh, Bộ CHBĐBP tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai;
- CVP, PCVP1,2,3;
- Công báo Lào Cai;
- BBT Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường



BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI TỈNH LAO CAI GIAI ĐOẠN 2022 – 2025
(Kèm theo Quyết định số: 1144/QĐ-UBND ngày 01 / 6 /2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	$\geq 80\%$	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (65% cứng hóa)		
		1.3. Tỷ lệ tuyến đường thôn, liên thôn, đường ngõ, xóm được trồng hoa, cây xanh, cây bóng mát theo quy định	$\geq 50\%$		
2	Điện	2.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Sở Công Thương	
		2.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$		
		2.3. Tỷ lệ tuyến đường trực chính thôn, đường ngõ, xóm có hệ thống chiếu sáng	$\geq 50\%$		
3	Nhà ở dân cư	3.1. Nhà tạm, đột nát	Không	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
		3.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 80\%$		
		3.3. Tỷ lệ hộ có tường rào (bê tông, xây gạch, xếp đá, cây xanh...), cổng ngõ được xây dựng khang trang, cải tạo sạch đẹp hài hòa với cảnh quan làng quê (khuyến khích làm tường rào, cổng ngõ bằng cây xanh và phù hợp với truyền thống)	$\geq 30\%$		
4	Văn hoá	4.1. Thôn, bản có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao phục vụ cộng đồng	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao	
		4.2. Thôn đạt danh hiệu thôn văn hoá 3 năm liên tục	Đạt	Sở Văn hóa và Thể thao	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
		 4.3. Tỷ lệ người dân, hộ gia đình chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy ước, hương ước, trong năm không có trường hợp nào bị phê bình, cảnh cáo trở lên. Đóng nộp các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian	100%		
5	Thông tin	Có hệ thống loa được kết nối với Đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông	
6	Phát triển sản xuất	6.1. Có tổ hợp tác hoặc nhóm sở thích phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương 6.2. Có ít nhất 01 mô hình/dự án phát triển kinh tế hiệu quả	≥ 1 Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT	
7	Lao động	7.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 7.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	≥ 70% ≥ 20%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
8	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn (triệu đồng/người/năm)	Năm 2022: ≥ 39 Năm 2023: ≥ 42 Năm 2024: ≥ 45 Năm 2025: ≥ 48	Cục Thống kê tỉnh	
9	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố chỉ tiêu cụ thể	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
10	Giáo dục	10.1. Tỷ lệ trẻ em, học sinh theo độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục theo quy định 10.2. Tỷ lệ người từ 15-60 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 10.3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, GDTX và học nghề	Đạt ≥ 90% ≥ 70%	Sở Giáo dục và Đào tạo	

2028

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 11.2. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 90\%$ $\geq 50\%$	Sở Y tế	
12	Môi trường và an toàn thực phẩm	12.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	- Thôn của xã thuộc khu vực I, II đạt $\geq 30\%$; - Thôn của xã thuộc khu vực III đạt $\geq 20\%$;	Sở Nông nghiệp và PTNT	
		12.2. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		
		12.3. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi, hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$		
		12.4. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	$\geq 70\%$		
		12.5. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (nếu có)	100%		
		12.6. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường	
		12.7. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; Không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Không	Sở Tài nguyên và Môi trường	
		12.8. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tuần có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
13	Hệ thống chính trị	Chi bộ và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Sở Nội vụ	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
14	An ninh trật tự xã hội	14.1. Không có hoạt động khiêu khích đông người kéo dài, hoạt động tôn giáo trái pháp luật.	Đạt	Công an tỉnh	
		14.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên.	Đạt		
		14.3. Không xảy ra tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn như: ma túy, cờ bạc, mại dâm...; không để xảy ra tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ nghiêm trọng.	Đạt		
		14.4. Có ít nhất 01 loại mô hình tổ chức quần chúng tự quản về an ninh, trật tự trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả	Đạt		



BỘ TIÊU CHÍ THÔN KIỂU MẪU TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2022 – 2025
(Kèm theo Quyết định số: **444** /QĐ-UBND ngày **01** / **6** /2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

Thôn đạt chuẩn kiểu mẫu giai đoạn 2022 - 2025:

1. Là thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025).
2. Đạt các tiêu chí thôn kiểu mẫu tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025, gồm: 12 tiêu chí, 29 chỉ tiêu.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ đường thôn, liên thôn được cứng hóa, bảo trì hàng năm, có chỉ dẫn theo quy định (biển báo, chỉ báo, giảm tốc,...) và đảm bảo xanh - sạch - đẹp	100%	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa và đảm bảo xanh - sạch - đẹp	$\geq 85\%$		
		1.3. Tỷ lệ tuyến đường thôn, liên thôn, đường ngõ, xóm được trồng hoa, cây xanh, cây bóng mát theo quy định	$\geq 70\%$		
2	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	Sở Công Thương	
3	Nhà ở dân cư	3.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 95\%$	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	
		3.2. Tỷ lệ hộ có tường rào (bê tông, xây gạch, xếp đá, cây xanh,...), cổng ngõ được xây dựng khang trang, cải tạo sạch đẹp hài hòa với cảnh quan làng quê (khuyến khích làm tường rào, cổng ngõ bằng cây xanh và phù hợp với truyền thống)	$\geq 50\%$	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	

2024

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
4	Văn hoá, thông tin	4.1. Có ít nhất 1 đội văn hoá hoặc 1 câu lạc bộ văn hoá thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả thu hút nhân dân tham gia 4.2. Có di sản văn hóa được bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa (nếu có) 4.3. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Đạt Có ≥ 70%	Sở Văn hóa và Thể thao Sở Thông tin và Truyền thông	
5	Phát triển sản xuất	Có ít nhất 01 mô hình/dự án phát triển kinh tế hiệu quả đạt doanh thu trên 150 triệu đồng/năm	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT	
6	Lao động	6.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 6.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp văn bằng, chứng chỉ	≥ 75% ≥ 25%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn (triệu đồng/người/năm)	Năm 2022: ≥ 47 Năm 2023: ≥ 51 Năm 2024: ≥ 55 Năm 2025: ≥ 59	Cục Thống kê tỉnh	
8	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố chỉ tiêu cụ thể	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9	Giáo dục	9.1. Tỷ lệ trẻ em, học sinh theo độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục theo quy định 9.2. Tỷ lệ người từ 15-60 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 9.3. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, GDTX và học nghề	Đạt ≥ 92% ≥ 85%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
10	Y tế	10.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 10.2. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥ 95% ≥ 70%	Sở Y tế	

[Handwritten signature]

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Phân công phụ trách và hướng dẫn tiêu chí	Ghi chú
11	 Tiếp cận pháp luật	11.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Sở Tư pháp	
		11.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$		
		11.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$		
12	Môi trường và an toàn thực phẩm	12.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	- Đối với thôn của xã khu vực I, II: $\geq 35\%$ - Đối với thôn của xã khu vực III: $\geq 25\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường
		12.2. Tỷ lệ hộ chăn nuôi (cơ sở chăn nuôi) có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$		
		12.3. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	$\geq 80\%$		
		12.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 25\%$	Sở Y tế	
		12.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$		
		12.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn thôn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 80\%$		
		12.7. Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, thu hút được sự tham gia của cộng đồng, như: Hợp tác xã/ câu lạc bộ/tổ, đội tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn; vệ sinh đường làng, ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường	Đạt		

